

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HS-ST
Ngày 28-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huê;

2. Ông Phạm Văn Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020 đối với:

Bị cáo Nguyễn Văn L sinh ngày 24/10/1994; tại: Xã D, huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn An Lạc, Xã D, huyện P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới Th: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn A sinh năm 1963 và bà: Nguyễn Thị U sinh năm 1965; vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2018/HSST ngày 30/8/2018 của TAND quận B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HS-ST ngày 05/3/2019 của TAND huyện P xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt tù của bản án số 71/2018/HSST ngày 30/8/2018 của TAND quận B, thành phố Hồ Chí Minh buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 năm 06

tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2020 và chấp hành xong án phí ngày 09/5/2019

Tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 11/4/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Bình (*Bị cáo trích xuất có mặt tại phiên tòa*).

Bị hại: Ông Mai Xuân C sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Tràng, xã AT, huyện P, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn L có quan hệ quen biết với một thanh niên tên T ở xã V, huyện P. Khoảng 15 giờ ngày 08/4/2020, khi L đang ở nhà thì T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu trắng, không rõ biển kiểm soát, đến nhà L chơi. Trong khi nói chuyện, T nói “*Anh em mình đi xem nhà nào có gà bắt lấy 1,2 con bán lấy tiền chi tiêu*”. Hiểu ý của T đi trộm cắp gà, L đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nêu trên chở L ngồi sau từ nhà theo đường 455 sang xã AT. Khi đến địa phận thôn Tràng, xã AT cả hai quan sát thấy nhà ông Mai Xuân C có tường bao bằng hàng rào lưới B40 cao khoảng 1,5m, cổng và cửa đều khóa, trong sân cách cổng khoảng 2m có một chiếc lồng sắt bằng kim loại, bên trong có một con gà trống chọi lông màu đỏ đen. Nghĩ nhà ông C không có người ở nên cả hai nảy sinh ý định vào trộm cắp gà. T dừng xe, L bảo T đứng ngoài cảnh giới, còn L trèo qua tường bao đi vào sân, tiến gần đến dùng tay nhắc chiếc lồng sắt lên, tay phải luồn vào trong lồng, bế con gà ra đưa qua hàng rào cho T rồi trèo qua hàng rào ra ngoài. T đưa con gà cho L, L hai tay ôm gà ngồi sau. T điều khiển xe đi hướng về xã AT. Khi đi được khoảng 15m thì bị ông C phát hiện, điều khiển xe mô tô đuổi theo, vừa đuổi vừa hô “*trộm, trộm...*”. Thấy vậy, T tăng ga bỏ chạy đến gần chốt kiểm dịch giữa thôn Thượng, xã AT với xã D thì L nhảy xuống xe, ôm gà chạy theo đường cánh đồng. T tiếp tục điều khiển xe chạy theo đường nhựa thì ông C cũng dừng xe chạy bộ đuổi theo L. Khi L chạy bộ đến đường thôn M, xã D thì gặp T đi xe đến, L đưa gà cho T, T ôm gà rồi điều khiển xe đi về hướng Xã D. Khi L đang đi bộ trên đường thôn M, xã D thì gặp ông C nên ông C đã yêu cầu L về Trụ sở UBND xã AT để trình báo. Tại đây, L đã liên lạc với T để T mang gà đến Trạm bơm xã V trả cho ông C rồi T bỏ đi. Cùng ngày, Công an xã AT đã báo cáo sự việc đến Công an huyện P, ông Mai Xuân C có đơn trình báo gửi lên Công an huyện P đề nghị giải quyết.

Kết quả định giá tài sản xác định: 01 con gà trống chọi, lông màu đỏ đen, trọng lượng 3kg có giá trị là 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo khai: Do có quen biết với T nên khoảng 15 giờ ngày 08/4/2020 khi bị cáo đang ở nhà thì T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha màu trắng, không rõ biển kiểm soát, đến nhà bị cáo chơi, tại đây T có rủ bị cáo đi trộm cắp gà, bị cáo đồng ý. T điều khiển xe mô tô chở bị cáo ngồi sau sang xã AT, khi đi đến nhà ông Mai Xuân C thì bị cáo bảo T dừng xe đứng ở ngoài cánh giới còn bị cáo trèo qua tường bao vào trong sân bắt gà, sau khi bắt được gà bị cáo đưa cho T qua hàng rào và trèo qua hàng rào để ra ngoài. Bị cáo ngồi sau ôm gà còn T điều khiển xe, khi đi được một đoạn ngắn thì bị ông C phát hiện đuổi theo nên T tăng ga bỏ chạy, khi đi đến gần chốt kiểm dịch ở thôn Thượng, xã AT thì bị cáo nhảy xuống xe đi bộ, khi bị cáo chạy bộ đến thôn M thì gặp T và đưa gà cho T, sau đó bị cáo bị ông C chặn lại và đưa về trụ sở UBND xã AT làm việc, tại đây bị cáo đã mượn điện thoại của người không quen biết để liên hệ với T để T mang gà đến Trạm bơm xã V để trả gà cho ông C.

Bị hại ông Mai Xuân C khai: Khoảng 16 giờ ngày 08/4/2020 khi ông đi chơi về cách nhà khoảng 200m – 300m ông thấy hai nam thanh niên đi xe mô tô không rõ biển kiểm soát đứng trước cổng nhà ông, sau đó một nam thanh niên đi vào trong và bế theo 01 con gà chọi và ngồi lên xe cả hai đi về xã AT, ông đuổi theo và tri hô, ông đã bắt giữ được bị cáo Nguyễn Văn L và đưa về trụ sở UBND xã AT để làm rõ, tại đây bị cáo L đã liên hệ với T để trả gà cho ông tại trạm bơm xã V. Ông đã nhận lại con gà chọi đã mất và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự ông đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Bản cáo trạng số 65/CT-VKSQP ngày 18/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Về hình phạt: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, Điều 50, điểm h và s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38, Bộ luật Hình sự: tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết; Về án phí bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thừa nhận do thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên khi được T rủ đi trộm cắp tài sản bị cáo đã đồng ý ngay và thực hiện hành vi rất tích cực. Bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại và bản kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 08/4/2020, tại nhà ông Mai Xuân C ở thôn T, xã AT, huyện P, tỉnh Thái Bình Nguyễn Văn L đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chưa được xóa án tích mà còn có hành vi cố ý trộm cắp 01 con gà trống chọi nặng 03kg trị giá 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*) của gia đình ông Mai Xuân C. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)*Đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;*

b)*Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*

.....

3.Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng””

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo, liều lĩnh và ngay giữa ban ngày. Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an và tạo dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, để có tiền chi tiêu bị cáo không chịu lao động mà lại thực hiện trộm cắp tài sản của người khác, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân bị co thấy: Bị cáo đã được giáo dục, cải tạo nhiều lần về tội “*Trộm cắp tài sản*” song không chịu tu dưỡng rèn luyện, cải tạo mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo.

[7] Từ những đánh giá, nhận định nêu trên nên về hình phạt áp dụng đối với bị cáo như đề nghị của VKS là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, sống phụ thuộc gia đình vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Mai Xuân C đã nhận lại 01 con gà trống chọi đã bị trộm cắp, ông không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Vì vậy về trách nhiệm dân sự HĐXX không xét.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 con gà đã trả lại cho bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật nên không đặt ra giải quyết. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu honda Wave anpha màu trắng, không rõ biển kiểm soát bị cáo khai là xe của T đã sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp, do chưa xác định được danh Th của T nên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

[11] Đối với người thanh niên tên T đã cùng bị cáo Nguyễn Văn L đi trộm cắp. Qua xác minh nhưng chưa đủ căn cứ xác định danh tính của T nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau là phù hợp.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2.Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 11/4/2020.

3.Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4.Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

5.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6 .Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND tỉnh Thái Bình; Sở Tư pháp Thái Bình;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên
(Đã ký)